



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

 Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

 (0251) 383 6130

 (0251) 383 6023

 info@donac.net

 www.donac.net

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**



# MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	5
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	25
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	43
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	53
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	57
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	63

# 01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh	13
Sơ đồ tổ chức	15
Định hướng phát triển	18
Các nhân tố rủi ro	21



## I THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

**Tên viết tắt:** DONAC

**Tên Tiếng Anh:** DONGNAI ROOF SHEET & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

**Mã cổ phiếu:** DCT

**Vốn điều lệ:** 272.236.470.000 đồng

**Trụ sở chính:** Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Điện thoại:** (0251) 383 6130

**Fax:** (0251) 383 6023

**Email:** info@donac.net

**Website:** www.donac.net

**Giấy chứng nhận  
đăng ký  
doanh nghiệp:** Số 3600475018 (số cũ 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.





## I QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Nhà nước tiếp quản cơ sở Eternit - Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy Amiang xi măng Đồng Nai, trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp gạch ngói và sành sứ xây dựng - Bộ xây dựng.

Tiền thân của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng (VLXD) Đồng Nai là hãng Eternit của Pháp, được khởi công xây dựng từ năm 1964 đến 1966.

Bộ Xây dựng có quyết định đổi tên Nhà máy Amiang xi măng Đồng Nai thành Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng.

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang Công ty Cổ phần.

1977

1966

1993

1995

2000

2001

2006

2011

2015

2019 - 2020

Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông công suất 1 triệu m<sup>2</sup>/năm và ngói màu công suất 2 triệu viên/năm.

Cổ phiếu của công ty chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán: DCT.

Hoàn thành nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch với công suất 1 triệu tấn/năm.

Công ty bị hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm xi măng tẩm lợp và xây lắp	2395 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm xi măng tẩm lợp và xây lắp. Bán buôn clinker. Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.	4663
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng	4659
4	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất Clinker (không sản xuất tại trụ sở)	2394
5	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Mua bán nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.	3600
6	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	4290
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ.	4210
9	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4220
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4933
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5022
12	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe ô tô	4511
13	Bán mô tô, xe máy	4541
14	Bốc xếp hàng hóa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5224

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5210
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5222
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hàng hải. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Dịch vụ logistics. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5229
19	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. (đối với xăng dầu, không kinh doanh xăng dầu tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và phù hợp với quy hoạch của Tỉnh)	4661
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xi mạ, không hoạt động tại trụ sở)	3312
21	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	3315
22	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe cẩu. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7710
23	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê xe nâng hàng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7730

## I NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM KINH DOANH

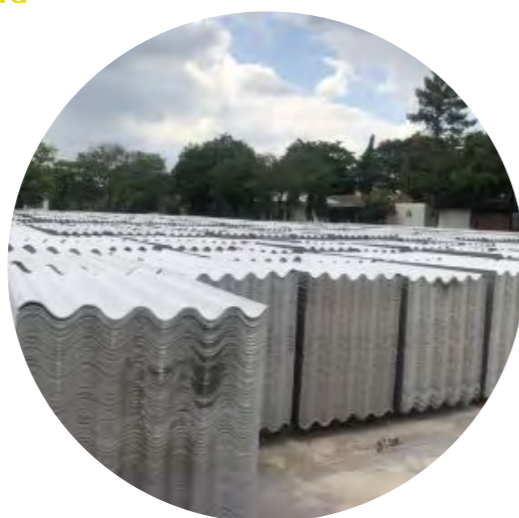
### SẢN PHẨM KINH DOANH



ÚP NÓC FIBRO XI MĂNG



TẤM PHẪNG FIBRO XI MĂNG  
ĐỒNG NAI



TÔN SÓNG FIBRO XI MĂNG  
ĐỒNG NAI

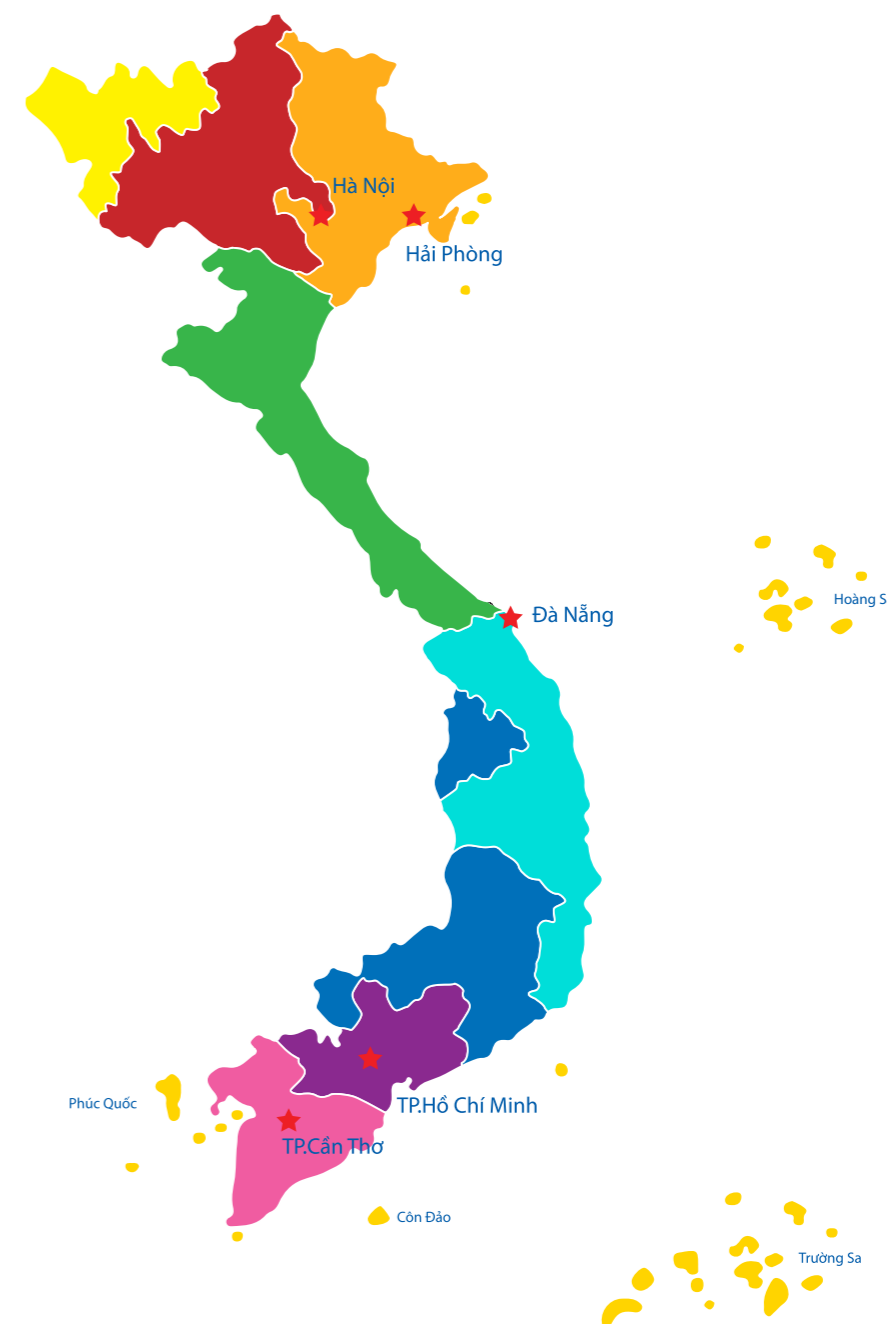


TẤM LỢP MÀU FIBRO  
XI MĂNG



XI MĂNG CÔNG THANH

## I ĐỊA BÀN KINH DOANH



Với các sản phẩm hiện có như tấm lợp, xi măng, Công ty hiện chủ yếu phục vụ nhu cầu của các thị trường truyền thống như: Vùng duyên hải miền Trung, khu vực các tỉnh thành miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

Ngoài sản phẩm tấm lợp, sản phẩm xi măng đang ngày càng mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước (như xi măng xá cho các công trình xây dựng có quy mô lớn, công trình trọng điểm quốc gia).





### Chi nhánh Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở
<b>Chi nhánh Công ty</b>		
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp – Vật liệu xây dựng Đồng Nai tại Tp. HCM	2/14 – 2/16 Ham Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.
2	Công ty Cổ phần Tấm lợp – Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch	KCN Ông Kèo, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai.

## DONAC LUÔN SÁT CÁNH BÊN BẠN



### Giá trị cốt lõi

- Đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- Lấy chữ tín đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- Hợp tác cùng phát triển là môi trường và sức mạnh để tồn tại và cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.

### Sứ mệnh

Công ty cam kết mang đến những sản phẩm xây dựng phục vụ cho công việc xây dựng các công trình tốt nhất và an toàn nhất.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty

#### Trung hạn

- ✔ Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty để tạo ra được các sản phẩm tốt hơn cho khách hàng.
- ✔ Tạo ra giá trị cho khách hàng, đối tác, nhà đầu tư.

#### Dài hạn

Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu tấm lợp DONAC bằng các biện pháp như tiến hành nghiên cứu thị trường nhằm thâm nhập vào các phân khúc, thị trường tiềm năng mới.  
Cụ thể:

- ✔ Đối với tấm lợp, đẩy mạnh hoạt động quảng bá đặc tính cạnh tranh của sản phẩm “tiện lợi, kinh tế, độ bền cao, phù hợp với túi tiền của nhiều gia đình”; tiếp cận các thị trường mà Công ty đã bỏ ngõ từ lâu như vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, ngập mặn, lũ lụt và các vùng có điều kiện khó khăn, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, duy trì mối quan hệ với các đại lý, nhà phân phối của Công ty.
- ✔ Đối với xi măng: Phối hợp với Công ty cổ phần xi măng Công Thành để có kế hoạch sản xuất đáp ứng kịp thời tiêu chuẩn chất lượng và nhu cầu đầu ra.



## Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội

### Đối với môi trường

Ngay từ những ngày đầu khi mới thành lập, Công ty đã đặt yếu tố bảo vệ môi trường lên hàng đầu khi quá trình sản xuất kinh doanh luôn được tuân thủ theo các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường và quy định về tỷ lệ khí thải.

### Đối với cộng đồng và xã hội

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của chính quyền địa phương như hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học vùng sâu vùng xa, đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương,...

### Đối với cổ đông

Tôn chỉ hoạt động của Công ty là tìm cách tối đa hóa lợi ích cho cổ đông. Theo đó, Công ty sẽ tiến hành chi trả cổ tức một khi kết quả kinh doanh trong năm có lãi, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, minh bạch trong việc cung cấp thông tin trên thị trường chứng khoán.



### Đối với cán bộ nhân viên và người lao động

Tiếp tục phối hợp với Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động như thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác an toàn lao động – vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, tổ chức các hoạt động giao lưu vui chơi cho cán bộ công nhân viên, tặng quà cho các cháu thiếu nhi đồng là con cháu của các Cán bộ - Công nhân viên nhân ngày Tết thiếu nhi, trung thu,...

### Đối với khách hàng và đối tác

Đối với Công ty, kinh doanh giữa Công ty với khách hàng và đối tác phải là kinh doanh theo hướng hai bên cùng có lợi. Tinh thần đó thể hiện qua việc mang đến cho khách hàng và đối tác những sản phẩm chất lượng và an toàn khi sử dụng.





## I CÁC RỦI RO

### Rủi ro về thị trường

Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của ngành xây dựng chỉ đạt 6,76% trong năm 2020, giảm đáng kể so với mức tăng trưởng 9,1% có được trong năm trước, chủ yếu do vấp phải hai cú sốc lớn: năm 2019 thị trường ngành xây dựng bị chững lại chủ yếu do yếu tố pháp lý thì bước sang năm 2020, khó khăn chủ yếu đến từ những gián đoạn, bất ổn do dịch bệnh Covid-19 gây ra. Bên cạnh đó còn có sự biến động về giá nguyên vật liệu xây dựng tiếp tục là một trong những khó khăn hàng đầu đối với 66,7% số doanh nghiệp xây dựng và 71,4% số doanh nghiệp vật liệu xây dựng. Mà tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào thị trường ngành xây dựng. Vì vậy những biến động chung của ngành có tác động trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận Công ty.



#### ***Biện pháp:***

Nắm bắt được rủi ro của nền kinh tế gây ra, Công ty đã có những định hướng phát triển, thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm giữ vững thị phần của mình trên thị trường.



### Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào

Giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty bởi vì nguyên vật liệu chính như Amiăng, Clinker chiếm một tỷ trọng lớn khoản 80% trong giá thành sản phẩm mà giá nguyên vật liệu xây dựng trong năm có xu hướng tăng so với năm 2019. Không những thế, trong quá trình sản xuất ra xi măng, giá điện cũng chiếm tỷ trọng cao ở mức khoảng 70% giá thành sản phẩm. Vì vậy, biến động giá của những nguyên vật liệu này có ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận gộp của Công ty.

#### ***Biện pháp:***

Để hạn chế biến động từ giá nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn chủ động cập nhật thông tin về giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp truyền thống lớn và so sánh giá chào của nhiều nhà cung ứng để mua được những nguyên vật liệu với giá thành hợp lý.





## I CÁC RỦI RO

### Rủi ro thời tiết

Năm 2020 ghi nhận nhiều diễn biến thiên tai bất thường, cực đoan, xảy ra trên nhiều vùng, miền của cả nước. Trong năm, đã xảy ra 16 loại hình thiên tai; trong đó có 13 cơn bão trên Biển Đông; 264 trận dông, lốc, mưa lớn trên 49 tỉnh, thành phố. Ngoài ra, hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đê biển cũng xảy ra trên diện rộng. Trước tình hình thời tiết thay đổi thất thường như hiện nay cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm, nguyên vật liệu sản xuất và vận chuyển hàng hóa của Công ty.



#### **Biên pháp:**

Chính vì thế, Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng cách theo dõi thời tiết tại địa phương để có những kế hoạch lưu trữ, phân bổ kho hợp lý để bảo quản tốt nhất nguyên vật liệu và thành phẩm...

### Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: Thiên tai, lũ lụt, cháy nổ... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng một khi đã xảy ra thì sẽ để lại hậu quả rất lớn cho Công ty cả về người và tài sản.

#### **Biên pháp:**

Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.

### Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động tại thị trường Việt Nam, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi Pháp luật Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế... Do đó, một khi các văn bản luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, vào ngày 01/01/2021, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán mới với nhiều thay đổi sẽ có hiệu lực. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp nếu như Công ty không kịp thời cập nhật hay có những biện pháp ứng phó với sự thay đổi này.

#### **Biên pháp:**

Để hạn chế rủi ro pháp luật Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình những thay đổi trong quy định. Định kỳ tập huấn cho các cán bộ và công nhân viên ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.



# 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	27
Tổ chức và nhân sự	29
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	34
Tình hình tài chính	39
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	41





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	357.525	244.243	-31,69%
2	Giá vốn hàng bán	295.125	218.959	74,19%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	74	6	-91,91%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.158	-41.749	-
5	Lợi nhuận trước thuế	6.633	-40.964	-
6	Lợi nhuận sau thuế	6.633	-40.964	-
7	Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	244	(1.505)	-

### Nhận xét

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tăng trưởng của các nền kinh tế Việt Nam giảm do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Trong năm, Donac cũng không thể tránh khỏi những tác động của đại dịch gây ra, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Donac trong tất cả các khâu bị chững lại và gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ hàng hóa của Công ty. Do đó, doanh thu thuần chỉ đạt 244 tỷ đồng giảm 31,69% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế đạt -40,9 tỷ đồng. Nguyên nhân doanh thu giảm là do lệnh giãn cách xã hội làm cho các công trình xây dựng bị gián đoạn, khiến cho việc tiêu thụ hàng hóa giảm sút.

Năm được những khó khăn của Công ty, Cán bộ Công nhân viên Donac luôn giữ vững tinh thần, nỗ lực hết mình, củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng chăm sóc khách hàng, nhằm cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

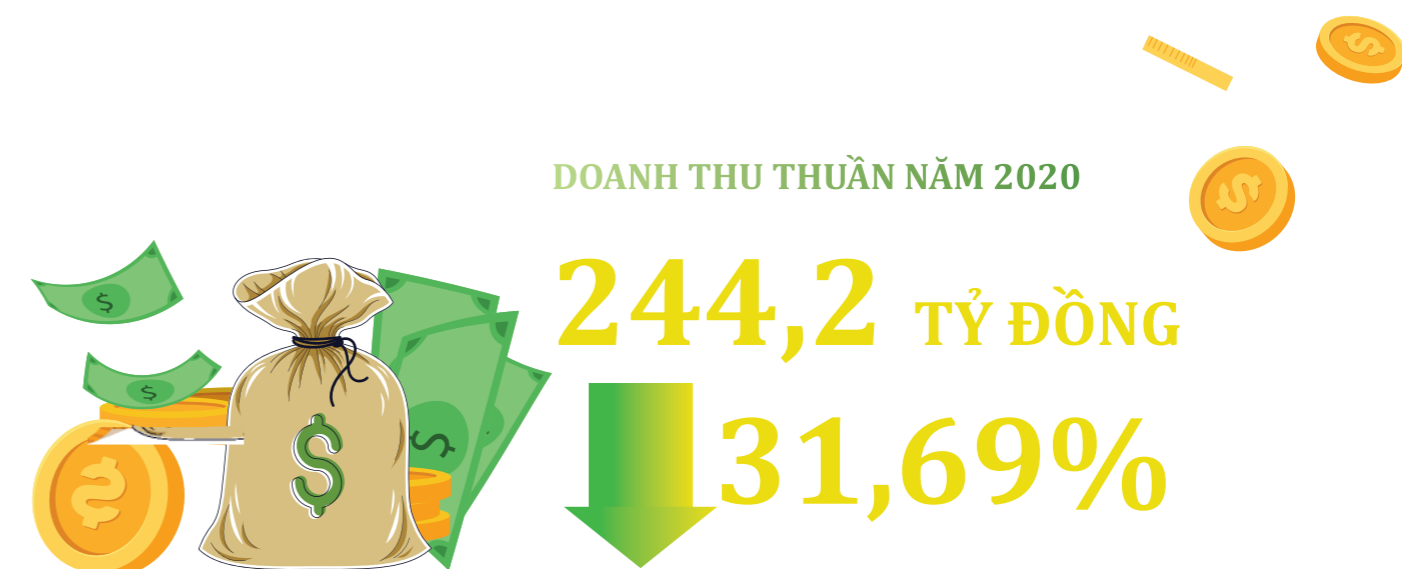
## Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
1	Doanh thu bán tấm lợp	80.234	77.054	22,03%	30,80%
2	Doanh thu gia công xi măng	254.331	160.955	69,82%	64,33%
3	Doanh thu bán thành phẩm khác	27.724	8.916	7,61%	3,56%
4	Doanh thu khác	1.984	3.282	0,54%	1,31%
<b>5</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>364.273</b>	<b>250.206</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

### Nhận xét

Trước tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp làm cho doanh thu từ các mảng của Công ty giảm. Trong đó, cơ cấu doanh thu thuần năm 2020 có sự dịch chuyển nhẹ. Doanh thu bán tấm lợp đạt 77 tỷ đồng, tỷ trọng tăng 30,8% so với năm 2019; doanh thu gia công xi măng đạt 160,9 tỷ đồng, giảm tỷ trọng giảm 64,33% so với năm 2019; doanh thu bán thành phẩm khác đạt 8,9 tỷ đồng, tỷ trọng giảm 3,56% so với năm 2019.





## I TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
<b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/05/2015
2	Nguyễn Bá Thuần	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017
<b>II BAN ĐIỀU HÀNH</b>			
1	Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/05/2015
3	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 26/06/2020
<b>III BAN KIỂM SOÁT</b>			
1	Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban BKS	Bổ nhiệm ngày 15/05/2015
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/05/2015
3	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên BSK	Bổ nhiệm ngày 26/06/2020

### Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Lê Nguyễn Thùy Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/6/2020
2	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/6/2020





### Danh sách hội đồng Quản trị

#### ÔNG NGUYỄN CÔNG LÝ - CHỦ TỊCH HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

#### ÔNG NGUYỄN BÁ THUYỀN - THÀNH VIÊN HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

#### BÀ NGUYỄN THỊ MAI THẢO - THÀNH VIÊN HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

### Danh sách Ban Giám đốc

#### ÔNG LÊ THÂN - TỔNG GIÁM ĐỐC

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

#### ÔNG NGUYỄN VĂN QUÝ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

#### BÀ TRẦN THỊ MỘNG THU - PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh



## Danh sách Ban kiểm soát

### ÔNG NGUYỄN VĂN NHỎ - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

### ÔNG PHẠM ĐỨC HÙNG - THÀNH VIÊN BKS

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

### ÔNG NGUYỄN HOÀNG VĨ - THÀNH VIÊN BKS

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính





## I TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Số lượng Cán bộ Công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>118</b>	<b>100%</b>
1	Đại học, Trên đại học	8	6.8%
2	Cao đẳng	2	1.7%
3	Trung cấp	8	6.8%
4	Công nhân kỹ thuật	8	6.8%
5	Khác	92	77.9%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>118</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	79	66.9%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	39	33.1
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0

### Thu nhập bình quân

STT	Tính chất phân loại	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng số lượng người lao động (người)	138	130	122
2	Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng)	6.627.174	6.936.077	6.992.541

## Chính sách nhân sự



### Về đào tạo

Công tác đào tạo – phát triển: Tiếp tục Chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa cho các vị trí trọng yếu cấp cao và cấp trung. Hoàn tất xây dựng Kế hoạch phát triển cá nhân và tổ chức các hoạt động đào tạo phát triển ứng viên.

Rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, phòng ban chuẩn hóa các bản mô tả công việc. Hoàn thiện và ban hành quy định hỗ trợ điều kiện làm việc, nhằm nâng cao phúc lợi của nhân viên. Đồng thời, hoạt động Nhân sự cũng rà soát, cập nhật và điều chỉnh các chính sách, quy chế, quy định, và quy trình đào tạo, v.v cũng như đã ban hành quy định mới về chính sách và chế độ dành riêng cho lao động nữ.





### Về tuyển dụng

Công tác tuyển dụng lao động: Thực hiện việc tìm kiếm ứng viên, phỏng vấn, đánh giá, và lựa chọn tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng.

Sự phát triển của Công ty không thể tách rời với các lợi ích chung của xã hội. Các chính sách phúc lợi của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên. Tất cả các Cán bộ Công nhân viên đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam:

- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho Cán bộ Công nhân viên và người thân trong gia đình.
- Hợp tác với bệnh viện có uy tín, tiếp tục thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho Cán bộ Công nhân viên với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi cho người lao động.



Hiện tại Công ty đang nỗ lực hoạt động vượt qua khó khăn. Trong năm Công ty không có các dự án đầu tư lớn.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,31	0,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,26	0,26
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	120,87%	126,11%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,14	10,39
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,33

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU  
ĐANG LƯU HÀNH

27.223.647

Cổ phiếu

## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>4</b>	<b>15.637.226</b>	<b>57,44%</b>
	Trong nước	4	15.637.226	57,44%
	Nước ngoài	0	0	0
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>2.145</b>	<b>11.586.421</b>	<b>42,56%</b>
	Trong nước	2.098	11.469.184	42,13%
	Nước ngoài	47	117.237	0,43%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.149</b>	<b>27.223.647</b>	<b>100%</b>

### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 27.223.647 cp
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000đồng



# I TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tiết kiệm năng lượng là mục tiêu mà Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra và yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện. Cụ thể:

- Thường xuyên tìm các giải pháp đầu tư thay thế các máy móc thiết bị đã cũ bằng các máy móc thiết bị mới tiết kiệm năng lượng sử dụng;
- Công ty đáp ứng tương đối đầy đủ các chỉ tiêu về môi trường, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật về môi trường.

## b. Tiêu thụ năng lượng:

Với mong muốn bảo vệ môi trường, tại Công ty luôn tuân thủ luật môi trường và sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng tốt nguồn năng lượng hiện đại vượt tiêu chuẩn do cơ quan quản lý đưa ra.

Chú trọng nâng cao nhận thức của nhân viên về tác động môi trường, đồng thời liên tục triển khai các kế hoạch chiến lược để ứng phó với các vấn đề về môi trường. Công ty cũng không ngừng đưa ra các sáng kiến, chương trình tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm lượng phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường

## c. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việt Nam là một trong những nước chịu tác động mạnh mẽ nhất từ biến đổi khí hậu. Bảo vệ môi trường vì vậy là một mục tiêu quan trọng với toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì thế, Công ty luôn ý thức trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xem trọng các công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát phát sinh gây ô nhiễm luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào xử lý chất thải luôn được Công ty cân nhắc và triển khai thực hiện

## d. Chính sách liên quan đến người lao động

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Công ty liên tục áp dụng các giải pháp cải tiến cả về việc làm và thu nhập, chủ động điều chỉnh các chính sách tiền lương, tiền thưởng. Khuyến khích lao động chuyên cần, từng bước điều chỉnh giờ làm việc, điều chỉnh phúc lợi. Chính sách lao động hợp lý đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi nên đem đến sự phấn chấn cho người lao động. Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động. Ngoài ra, công ty luôn có kế hoạch đào tạo nhân sự, nâng cao chất lượng của lao động thông qua việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực sản xuất nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động trong toàn Công ty.

## e. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Sự phát triển của Công ty không thể tách rời với các lợi ích chung của xã hội. Công ty hàng năm đã tạo được việc làm cho các lao động địa phương. Hằng năm, Công ty luôn đóng góp các khoản tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện nhằm đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty luôn phân tích, cải tiến các biện pháp thi công nhằm hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình thi công các dự án.



# 03 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	45
Tình hình tài chính	47
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	50
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	51












# I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2020

### Thuận lợi:

-  Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, ngành xây dựng tăng 6,76%, giảm đáng kể so với mức tăng trưởng trong giai đoạn 2015 - 2019. Nhằm tạo điều kiện cho ngành xây dựng và vật liệu xây dựng, Chính phủ đã đưa ra các chính sách đẩy mạnh thi công xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế của ngành xây dựng nói chung và vật liệu xây dựng nói riêng sẽ tiếp tục phát triển. Do đó, Công ty cũng được hưởng lợi từ chính sách này.
-  Năm 2020 cơ chế chính sách của Nhà nước ngày càng được hoàn thiện có tác dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển bền vững.
-  Công ty có truyền thống gần 54 năm xây dựng và phát triển có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh tấm lợp.
-  Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.

### Khó khăn:

-  Dịch bệnh COVID-19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới, tác động tiêu cực đến các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu... Tại Việt Nam, COVID-19 tác động lên nền kinh tế và làm cho tăng trưởng kinh tế nước ta rơi xuống mức thấp nhất trong 10 năm qua. Vì vậy, dịch bệnh cũng tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty.
-  Năm 2020 là một năm khó khăn về thị trường tiêu thụ xi măng. Năm qua, Trung Quốc, Bangladesh, Philippines... là các thị trường xuất khẩu của xi măng Việt Nam. Từ cuối năm 2017, Trung Quốc đã chuyển từ một nước xuất khẩu lớn clinker sang nhập khẩu, do chính phủ Trung Quốc đang tích cực đẩy mạnh việc giảm công suất xi măng để đối phó với tình trạng dư thừa và ô nhiễm quá mức. Nhu cầu nhập khẩu clinker ở Trung Quốc tăng cao đã dẫn đến sự gia tăng xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu họ thay đổi chính sách hoặc doanh nghiệp có đầu tư tốt thì câu chuyện có thể khác. Nhìn về cơ hội khi Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực, áp lực cạnh tranh đối với ngành trong năm 2020 tương đối gay gắt.
-  Thị trường tiêu thụ cầm chừng, Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam siết chặt quản lý hoạt động sản xuất tấm lợp fibro như: tự động hóa dây chuyền, cách ly khu nghiền amiang trắng...

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	176.155	222.964	24,09%	30,08%	26,57%
Tài sản dài hạn	554.995	518.185	75,91%	69,92%	-6,63%
Tổng tài sản	731.150	741.150	100%	100%	1,37%

## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	576.774	787.718	36,57%	65,27%	84,28%
Nợ dài hạn	306.934	146.954	-52,12%	34,73%	15,72%
Tổng nợ phải trả	883.708	934.672	5,77%	100%	100%

### CO CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản đạt 741,1 tỷ đồng năm 2020, tăng 1,37% so với năm 2019. Trong đó, tỷ trọng có sự dịch chuyển nhẹ từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn đạt 223 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 71,39% trên tổng tài sản. Cụ thể, khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tăng 34,73% so với năm 2019, do công ty áp dụng các chính sách bán chịu nhằm đẩy mạnh bán hàng hóa. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn trong năm giảm còn 69,92% so với năm 2019. Cụ thể, tài sản cố định hữu hình giảm 6,2% so với năm 2019, do trong năm Công ty thanh lý phương tiện vận tải, truyền dẫn 1,8 tỷ đồng, vì vậy nên tài sản dài hạn giảm.

### CO CẤU NỢ

Tình hình nợ phải trả tăng 5,77% so với năm 2019. Trong đó, nợ dài hạn giảm 34,73% so với năm 2019, nợ ngắn hạn tăng 36,57% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nợ ngắn hạn tăng là do Công ty tăng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Nhằm kiểm soát tốt các khoản nợ trong ngắn hạn Công ty đã lập kế hoạch làm việc với ngân hàng để cơ cấu lại nợ và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản nợ vay và lãi sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã nắm bắt kịp thời xu thế vận động của thị trường và tiến hành thực hiện thay đổi mạnh mẽ và quyết liệt trong việc xây dựng bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả hơn, tránh được chông chéo, vận hành hiệu quả và mang lại diện mạo mới cho Công ty và đã đạt được những hiệu quả tích cực, cụ thể:

- Việc tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính đã phát huy được năng lực và thế mạnh của Công ty vừa đem lại lợi nhuận vừa hạn chế được những chi phí dư thừa.
- Các vấn đề về tài chính được rà soát triệt để, các khoản nợ được cơ cấu lại và chấm dứt việc đầu tư dàn trải và tiến hành thoái vốn đầu tư tại các dự án/công ty con hoạt động không hiệu quả; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, tập trung và có cơ chế kiểm soát.
- Các phòng/ban/đơn vị chuyên môn đã phát huy được hết năng lực của từng cá nhân và cán bộ quản lý. Chủ động, sáng tạo, linh hoạt thực hiện các công việc của phòng ban mình và kết nối với các phòng ban khác. Không còn nhân lực dư thừa và thiếu trách nhiệm.
- Hệ thống các quy trình, quy định, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban cũng được rà soát, sửa đổi cho phù hợp mới cơ cấu tổ chức mới, đồng thời tăng cường tính kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao hiệu quả công việc.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021
<b>I. Sản xuất</b>			
- Tấm lợp	m <sup>2</sup>	2.288.209	2.500.000
- Xi măng	Tấn	515.315,99	621.093
<b>II. Tiêu thụ</b>			
- Tấm lợp	m <sup>2</sup>	2.314.678	2.500.000
- Xi măng	Tấn	515.315,99	621.093
<b>III. Doanh thu thuần</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>250</b>	<b>275</b>
<b>IV. EBITDA</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>52</b>	<b>57</b>
<b>V. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>-40.9</b>	<b>-26.5</b>



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Việt Nam được xem là quốc gia có nguồn tài nguyên năng lượng phong phú: than, dầu mỏ, thủy điện, gió... nhưng qua thực tế phát triển đất nước, chúng ta chuyển từ trạng thái xuất khẩu ròng năng lượng sang nhập khẩu kể từ năm 2015. Vì vậy, cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn tài nguyên năng lượng là giải pháp quan trọng trong chính sách an ninh năng lượng quốc gia được Bộ Công Thương đã và đang có những hành động và bước đi cụ thể đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

- Tiết kiệm điện năng vừa là tiết kiệm tài nguyên quốc gia vừa tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp, chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra từ đầu năm yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện, được theo dõi liên tục thường xuyên để kiểm tra mức độ hoàn thành mục tiêu này.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn xác định nguồn nhân lực là tài sản quý báu nhất của Công ty. Công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện, giàu nhiệt huyết. Ban lãnh đạo Công ty luôn chia sẻ, lắng nghe và trân trọng những ý kiến đóng góp ý kiến của Cán bộ Công nhân viên và có những điều chỉnh những chính sách phúc lợi phù hợp để thu hút và giữ chân những người vừa có tâm vừa có tầm trong những năm tháng hoạt động vừa qua.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Sự phát triển của Công ty không thể tách rời với các lợi ích chung của xã hội.

Hàng năm, Công ty luôn đóng góp các khoản tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện nhằm đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty luôn phân tích, cải tiến các biện pháp thi công nhằm hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.





People

## 04

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	55
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	56
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	56



## I ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Từ sau đại dịch Covid-19 bùng phát, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng đóng cửa tạm thời hoặc phá sản. Số lượng lao động rơi vào tình trạng mất việc hoặc nghỉ chờ việc. Tuy nhiên, với phương châm Đoàn kết – Chia sẻ, Ban lãnh đạo Công ty đã cùng người lao động vượt qua khó khăn thời đại dịch, không để người lao động mất việc hay giảm việc, thậm chí trong giai đoạn này chính sách hỗ trợ về dụng cụ phòng dịch như: khẩu trang, nước rửa tay, dụng cụ bảo hộ lao động... Chính điều này, đã tạo được sự an tâm cho người lao động, ổn định sản xuất trong suốt thời gian dịch bệnh diễn ra.



Cơ cấu tổ chức các Phòng/Ban, Khối, Đội được giữ ổn định, kiện toàn và bổ sung để đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Đời sống của cán bộ công nhân viên được giữ ổn định, mọi người yên tâm công tác và không ngừng cố gắng đóng góp chung vào sự phát triển của Công ty.

## I ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo, giám sát, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty.

HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các vấn đề:

- Chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Tiến độ và biện pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các Quyết định của HĐQT.
- Chiến lược, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế liên quan.
- Việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định hiện hành của Nhà nước.

## CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu	Tổng LN sau thuế TNDN (Tỷ đồng)
1	Tấm lợp	84	36
2	Xi măng	179	32





# 05 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị 59

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị 60

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,  
Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. 62





## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG LÝ	Chủ tịch hội đồng Quản trị	
2	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	Thành viên HĐQT	
3	NGUYỄN BÁ THUYỀN	Thành viên HĐQT	

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	NGUYỄN CÔNG LÝ	Chủ tịch HĐQT	02/02	100%
2	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	Thành viên HĐQT	02/02	100%
3	NGUYỄN BÁ THUYỀN	Thành viên HĐQT	02/02	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/HĐQT- NQ/2020	09/03/2020	Kế hoạch trả nợ nhà cung cấp, ngân hàng
2	01/ĐHQT- NQ/2020	26/06/2020	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- a. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- b. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Các tiểu ban của HĐQT Công ty đã phối hợp chặt chẽ với nhau để triển khai, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ thực hiện tốt các nghị quyết của HĐQT đề ra.



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NHO	Trưởng ban Kiểm soát	
2	PHẠM ĐỨC HÙNG	Thành viên ban Kiểm soát	
3	NGUYỄN HOÀNG VỸ	Thành viên ban Kiểm soát	

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	NGUYỄN VĂN NHO	Trưởng ban Kiểm soát	4/4	100%
2	PHẠM ĐỨC HÙNG	Thành viên ban Kiểm soát	4/4	100%
3	NGUYỄN HOÀNG VỸ	Thành viên ban Kiểm soát	4/4	100%

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông

Ban Kiểm soát đã giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên, giám sát việc hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và thực hiện nghiêm túc các nội dung được Đại hội đồng Cổ đông giao phó;

Thẩm định Báo cáo Tài chính, đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý;

Phối hợp cùng Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tại Công ty về việc tuân thủ các thủ tục, quy trình, quy định của Tập đoàn, kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp giữa Ban Điều hành với Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát.

### Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

- Hội Đồng quản trị Công ty không nhận thù lao

- Mức lương được quy định:

- Tổng giám đốc: 359.392.105 đồng + Thưởng 28.000.000 đồng
- Phó Tổng giám đốc: 429.576.591 đồng + Thưởng 3.300.000 đồng
- Phó Giám đốc thường trực: 131.181.000 đồng + Thưởng 7.000.000 đồng



# 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

65

Báo cáo tài chính được kiểm toán

67



Investment Value at Year end

339 970
56 969
817
58
6
373 967
804 029
1 296 731
1 859 317
2 499 808
3 227 076
4 050 935
R 28 331

Investment Value at Year end

424 963	467 459
446 211	1 005 037
468 522	1 620 915
491 948	2 324 149
516 545	3 124 764
<del>542 372</del>	4 033 850
569 491	5 063 675
	R 35 414

Start at monthly

Can we do this?



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tắm Lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tắm Lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 383 6130
- Fax : +84 (0251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm Lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tắm Lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Thân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 5 năm 2021

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.1080/21/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 5 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ 40.963.612.071 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 565.189.360.532 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 193.521.436.131 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 564.739.441.736 VND. Những điều kiện này cho thấy yếu tố rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2021

**Nguyễn Hoàng Yên - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2018-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>222.964.764.232</b>	<b>176.154.484.162</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.174.708.161</b>	<b>1.795.958.783</b>
1. Tiền	111	V.1	4.174.708.161	1.795.958.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>201.824.051.040</b>	<b>149.185.817.293</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	198.267.658.498	147.161.639.683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.327.412.719	1.958.786.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	385.439.823	221.851.410
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(156.460.000)	(156.460.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.966.005.031</b>	<b>25.172.708.086</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.966.005.031	25.172.708.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>518.185.440.737</b>	<b>554.995.381.637</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.758.362.900</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	1.758.362.900
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>517.162.594.778</b>	<b>531.141.210.782</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	510.331.854.817	544.068.764.709
- Nguyên giá	222		1.068.719.658.598	1.070.286.922.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(558.387.803.781)	(526.218.158.155)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.830.739.961	7.072.446.073
- Nguyên giá	228		9.667.346.689	9.667.346.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.836.606.728)	(2.594.900.616)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>50.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	50.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.022.845.959</b>	<b>2.045.807.955</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.022.845.959	2.045.807.955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>741.150.204.969</b>	<b>731.149.865.799</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>934.671.641.100</b>	<b>883.707.689.859</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>787.717.905.968</b>	<b>576.773.954.727</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	34.618.880.602	42.767.352.644
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	40.322.988	1.354.843.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.836.102.298	3.196.895.860
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1.752.247.683	2.885.030.038
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	391.857.264.598	291.956.744.460
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	354.587.443.338	234.587.443.338
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.644.461	25.644.461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>146.953.735.132</b>	<b>306.933.735.132</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	37.383.908.325	77.363.908.325
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	109.569.826.807	229.569.826.807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(193.521.436.131)</b>	<b>(152.557.824.060)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(193.521.436.131)</b>	<b>(152.557.824.060)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	22.694.204.001	22.694.204.001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(565.189.360.532)	(524.225.748.461)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(524.225.748.461)	(524.225.748.461)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(40.963.612.071)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>741.150.204.969</b>	<b>731.149.865.799</b>

  
 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  
 Kế toán trưởng/Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021  
  
  
 Lê Thân  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	250.205.998.509	364.272.704.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.963.227.726	6.747.311.171
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244.242.770.783	357.525.393.272
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	218.959.364.797	295.124.895.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.283.405.986	62.400.497.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.010.146	74.336.260
7. Chi phí tài chính	22		59.789.711.868	48.526.102.596
Trong đó: chi phí lãi vay	23		59.789.711.868	48.526.102.596
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	704.429.432	660.837.647
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.544.653.983	7.129.777.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(41.749.379.151)	6.158.116.258
11. Thu nhập khác	31	VI.7	785.771.435	1.110.328.409
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.355	635.848.597
13. Lợi nhuận khác	40		785.767.080	474.479.812
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(40.963.612.071)	6.632.596.070
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(40.963.612.071)	6.632.596.070
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	(1.505)	244
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	(1.505)	244



Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng/Người lập

Lê Thân  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(40.963.612.071)	6.632.596.070
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	34.107.371.908	35.708.887.452
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(252.503.556)	-
- Chi phí lãi vay	06		59.789.711.868	48.526.102.596
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.680.968.149	90.867.586.118
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.879.870.847)	(92.802.681.078)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.206.703.055	12.680.592.610
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.356.473.307)	(4.876.525.034)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.022.961.996	3.195.285.942
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(425.322.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>2.674.289.046</b>	<b>8.636.435.958</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,8,9,13a	(654.630.577)	(828.113.218)
2. Tiền thụ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		359.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(295.539.668)</b>	<b>(828.113.218)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a,b	-	(7.647.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(7.647.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.378.749.378</b>	<b>161.322.740</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.795.958.783</b>	<b>1.634.636.043</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.174.708.161</b>	<b>1.795.958.783</b>

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Lê Thân  
Tổng Giám đốcNguyễn Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng/Người lập**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tầm lốp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm so với năm trước nguyên nhân chính là do số lượng và đơn giá gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành giảm.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**7. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 136 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 227 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa máy nghiền và chi phí xây dựng đường đê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### Chi phí sửa chữa máy nghiền

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

##### Chi phí xây dựng đường đê

Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8,5 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

##### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	290.591.864	357.070.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.884.116.297	1.438.888.478
<b>Cộng</b>	<b>4.174.708.161</b>	<b>1.795.958.783</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>196.245.572.343</i>	<i>145.535.232.880</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	196.245.572.343	145.535.232.880
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.977.086.155</i>	<i>1.626.406.803</i>
Các khách hàng khác	2.022.086.155	1.626.406.803
<b>Cộng</b>	<b>198.267.658.498</b>	<b>147.161.639.683</b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
FM Trading Company Limited	1.140.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	987.412.719	758.786.200
<b>Cộng</b>	<b>3.327.412.719</b>	<b>1.958.786.200</b>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	163.113.525	-	157.815.168	-
Ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	191.026.298	-	32.736.242	-
<b>Cộng</b>	<b>385.439.823</b>	<b>-</b>	<b>221.851.410</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**5. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Bên liên quan</b>		<b>101.481.364.229</b>	<b>101.481.364.229</b>	<b>68.273.162.007</b>	<b>68.273.162.007</b>	
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	101.481.364.229	101.481.364.229	Dưới 06 tháng	68.273.162.007	68.273.162.007
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>2.889.980.610</b>	<b>2.733.520.610</b>		<b>2.225.407.368</b>	<b>2.068.947.368</b>
Phải thu khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	300.000.000	300.000.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	236.363.636	236.363.636
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	180.000.002	180.000.002	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	43.636.364	43.636.364
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	124.999.998	124.999.998	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	140.745.941	140.745.941
	Trên 03 năm	176.254.319	176.254.319	Trên 03 năm	35.508.378	35.508.378
Các khoản trả trước cho người bán khác	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	331.312.291	331.312.291	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	123.810.000	123.810.000
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.191.000	37.191.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	680.000.000	680.000.000
	Trên 03 năm	1.740.223.000	1.583.763.000	Trên 03 năm	936.413.000	779.953.000
Các khoản phải thu khác	Trên 03 năm	28.930.049	28.930.049	Trên 03 năm	28.930.049	28.930.049
<b>Cộng</b>		<b>104.400.274.888</b>	<b>104.243.814.888</b>		<b>70.498.569.375</b>	<b>70.342.109.375</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	156.460.000	156.460.000
Số cuối năm	156.460.000	156.460.000

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.751.620.927	-	16.581.851.731	-
Công cụ, dụng cụ	125.691.501	-	146.226.989	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.950.888	-	25.593.715	-
Thành phẩm	5.063.741.715	-	8.419.035.651	-
<b>Cộng</b>	<b>16.966.005.031</b>	<b>-</b>	<b>25.172.708.086</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	490.885.051.911	524.300.478.850	50.534.604.642	4.566.787.461	1.070.286.922.864
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	235.343.257	-	-	-	235.343.257
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.802.607.523)	-	(1.802.607.523)
<b>Số cuối năm</b>	<b>491.120.395.168</b>	<b>524.300.478.850</b>	<b>48.731.997.119</b>	<b>4.566.787.461</b>	<b>1.068.719.658.598</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.832.243.918	73.890.746.569	35.526.957.205	3.702.689.279	134.952.636.971
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	185.769.280.842	293.488.300.009	42.622.489.942	4.338.087.362	526.218.158.155
Khấu hao trong năm	12.466.094.664	20.038.182.912	1.225.086.934	136.301.286	33.865.665.796
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.696.020.170)	-	(1.696.020.170)
<b>Số cuối năm</b>	<b>198.235.375.506</b>	<b>313.526.482.921</b>	<b>42.151.556.706</b>	<b>4.474.388.648</b>	<b>558.387.803.781</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	305.115.771.069	230.812.178.841	7.912.114.700	228.700.099	544.068.764.709
<b>Số cuối năm</b>	<b>292.885.019.662</b>	<b>210.773.995.929</b>	<b>6.580.440.413</b>	<b>92.398.813</b>	<b>510.331.854.817</b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 439.244.758.563 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh V.18b).

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.118.644.029</b>	<b>548.702.660</b>	<b>9.667.346.689</b>
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	507.502.660	507.502.660
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.075.037.950	519.862.666	2.594.900.616
Khấu hao trong năm	233.466.108	8.240.004	241.706.112
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.308.504.058</b>	<b>528.102.670</b>	<b>2.836.606.728</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.043.606.079	28.839.994	7.072.446.073
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.810.139.971</b>	<b>20.599.990</b>	<b>6.830.739.961</b>
<b>Trong đó:</b>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình sửa chữa cải tạo nhà máy, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	50.000.000
Chi phí phát sinh	185.343.257
Kết chuyển vào tài sản	(235.343.257)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

**10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo.

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2016	47.994.955.723
Năm 2017	119.706.772.029
Năm 2020	40.676.563.297
<b>Cộng</b>	<b>208.378.291.049</b>

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	7.135.441.958	9.071.268.892
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	4.704.323.812	3.239.261.786
Các nhà cung cấp khác	17.947.014.832	25.624.721.966
<b>Cộng</b>	<b>34.618.880.602</b>	<b>42.767.352.644</b>

Trong đó, khoản phải trả về mua sắm tài sản cố định cuối năm là 108.502.680 VND (số đầu năm là 577.790.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Astrade Solution LP	-	430.506.459
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	512.146.990	1.256.064.897
<b>Cộng</b>	<b>5.429.853.890</b>	<b>6.518.671.356</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xuất nhập khẩu Quang Bình Minh	-	1.304.902.537
Các khách hàng khác	40.322.988	49.941.389
<b>Cộng</b>	<b>40.322.988</b>	<b>1.354.843.926</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.179.501.338	8.784.888.343	(7.170.918.266)	4.793.471.415
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.411.986	33.413.698	(13.979.625)	23.846.059
Thuế tài nguyên	12.982.536	87.022.248	(81.219.960)	18.784.824
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.196.895.860</b>	<b>8.910.324.289</b>	<b>(7.271.117.851)</b>	<b>4.836.102.298</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước:	5%
- Tầm lợi, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu:	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(40.963.612.071)	6.632.596.070
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	287.048.774	922.893.865
Thu nhập chịu thuế	(40.676.563.297)	7.555.489.935
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(7.555.489.935)
Thu nhập tính thuế	(40.676.563.297)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt:	3%
- Sử dụng nước dưới đất:	8%

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 356 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức 24.000 VND/m<sup>2</sup>/năm theo quy định tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đơn giá thu tiền thuê đất để xây dựng Trạm bơm nước tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 11, 12 và 13 năm 2020 phải trả người lao động.

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	82.268.920	39.199.705
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả	363.556.259.018	263.766.547.150
Các khoản nhận ký quỹ	49.020.000	69.020.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	906.430.985	818.691.930
<b>Cộng</b>	<b>391.857.264.598</b>	<b>291.956.744.460</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả dài hạn	37.363.908.325	77.363.908.325
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.383.908.325</b>	<b>77.363.908.325</b>

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 323.542.559.018 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

Đây là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

Số đầu năm	234.587.443.338
Kết chuyển từ vay dài hạn	120.000.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>354.587.443.338</b>

**18b. Vay dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thành ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	354.587.443.338	234.587.443.338
Trên 1 năm đến 5 năm	109.569.826.807	229.569.826.807
<b>Cộng</b>	<b>464.157.270.145</b>	<b>464.157.270.145</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	229.569.826.807
Kết chuyển nợ sang vay dài hạn đến hạn trả	(120.000.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>109.569.826.807</b>

**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Khoản gốc vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 354.587.443.338 VND đã quá hạn dưới 01 năm chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(530.858.344.531)	(159.190.420.130)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.632.596.070	6.632.596.070
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>272.236.470.000</b>	<b>76.737.250.400</b>	<b>22.694.204.001</b>	<b>(524.225.748.461)</b>	<b>(152.557.824.060)</b>
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(524.225.748.461)	(152.557.824.060)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(40.963.612.071)	(40.963.612.071)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>272.236.470.000</b>	<b>76.737.250.400</b>	<b>22.694.204.001</b>	<b>(565.189.360.532)</b>	<b>(193.521.436.131)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	37.148.600.000	37.148.600.000
Các cổ đông khác	143.864.210.000	143.864.210.000
<b>Cộng</b>	<b>272.236.470.000</b>	<b>272.236.470.000</b>

**19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****20a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.796.710.967	1.796.710.967
Trên 1 năm đến 5 năm	7.186.843.867	7.186.843.867
Trên 5 năm	46.208.078.257	48.037.064.043
<b>Cộng</b>	<b>55.191.633.091</b>	<b>57.020.618.877</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất với diện tích 90.024,6 m<sup>2</sup> và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 7.858 VND/m<sup>2</sup>/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2020). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến từ ngày 12 tháng 4 năm 2051.

**20b. Tài sản nhận giữ hộ**

Vật tư nhận giữ hộ của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

<u>Chủng loại</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Clinker	Tấn	1.912,36	7.412,37
Đá vôi	Tấn	661,74	-
Vỏ bao xi măng	Cái	113.965	482.973

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20c. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,30	374,30

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán tấm lợp	77.054.045.400	80.234.256.950
Doanh thu gia công xi măng	160.954.606.180	254.331.034.770
Doanh thu bán thành phẩm khác	8.915.768.806	27.723.590.985
Doanh thu khác	3.281.578.123	1.983.821.738
<b>Cộng</b>	<b>250.205.998.509</b>	<b>364.272.704.443</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan**

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu gia công xi măng	160.954.606.180	254.331.034.770
Doanh thu vận chuyển	476.946.000	1.288.074.108

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản chiết khấu thương mại.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của tấm lợp	48.865.358.582	53.459.764.799
Giá vốn gia công xi măng	159.296.056.777	214.940.973.127
Giá vốn thành phẩm khác	9.322.260.649	25.911.370.958
Giá vốn khác	1.475.688.789	812.786.528,00
<b>Cộng</b>	<b>218.959.364.797</b>	<b>295.124.895.412</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.010.146	2.976.260
Chiết khấu thanh toán	-	71.360.000
<b>Cộng</b>	<b>6.010.146</b>	<b>74.336.260</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	527.468.590	473.238.450
Chi phí vật liệu, bao bì	53.521.214	71.998.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.327.628	59.327.628
Các chi phí khác	64.112.000	56.272.994
<b>Cộng</b>	<b>704.429.432</b>	<b>660.837.647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.636.904.939	3.802.784.949
Chi phí vật liệu, bao bì	83.427.609	193.673.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.278.712	487.589.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564.775.586	683.818.370
Chi phí quản lý ở Nhơn Trạch	929.599.407	696.382.338
Chi phí khác	882.667.730	1.265.528.883
<b>Cộng</b>	<b>6.544.653.983</b>	<b>7.129.777.619</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý nhượng bán tài sản cố định	252.503.556	-
Thu nhập từ hoạt động cấp cảng	451.334.187	523.455.862
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	79.571.712	527.049.252
Thu nhập khác	2.361.980	59.823.295
<b>Cộng</b>	<b>785.771.435</b>	<b>1.110.328.409</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt và các khoản phạt vi phạm khác	-	570.312.826
Chi phí khác	4.355	65.535.771
<b>Cộng</b>	<b>4.355</b>	<b>635.848.597</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.963.612.071)	6.632.596.070
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu	(40.963.612.071)	6.632.596.070
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
<b>Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu</b>	<b>(1.505)</b>	<b>244</b>

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.342.706.197	118.928.974.905
Chi phí nhân công	21.172.480.806	24.047.301.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.107.371.908	35.708.887.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.554.810.870	86.365.402.725
Chi phí khác	3.029.716.149	3.420.645.600
<b>Cộng</b>	<b>212.207.085.930</b>	<b>268.471.212.655</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương và các khoản thưởng với tổng tiền trong năm nay là 1.294.338.702 VND (năm trước là 630.036.164 VND).

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Giao dịch với bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	21.562.525.284	35.973.866.810
Mua xi măng	14.925.018.395	13.615.663.651

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với bên liên quan khác*

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, tiền nước sử dụng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực gia công xi măng	Các lĩnh vực bán xi măng và khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.090.817.674	160.954.606.180	12.197.346.929	244.242.770.783
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>71.090.817.674</b>	<b>160.954.606.180</b>	<b>12.197.346.929</b>	<b>244.242.770.783</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<b>18.001.275.862</b>	<b>(1.307.023.154)</b>	<b>1.340.069.863</b>	<b>18.034.322.571</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.034.322.571
Doanh thu hoạt động tài chính				6.010.146
Chi phí tài chính				(59.789.711.868)
Thu nhập khác				785.771.435
Chi phí khác				(4.355)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(40.963.612.071)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>235.343.257</b>	<b>235.343.257</b>	<b>470.686.514</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.041.057.552</b>	<b>33.941.232.785</b>	<b>147.927.530</b>	<b>35.130.217.867</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74.372.002.589	254.331.034.770	28.822.355.913	357.525.393.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>74.372.002.589</b>	<b>254.331.034.770</b>	<b>28.822.355.913</b>	<b>357.525.393.272</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<b>16.500.983.541</b>	<b>36.070.028.254</b>	<b>2.038.870.799</b>	<b>54.609.882.594</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				54.609.882.594
Doanh thu hoạt động tài chính				74.336.260
Chi phí tài chính				(48.526.102.596)
Thu nhập khác				1.110.328.409
Chi phí khác				(635.848.597)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực gia công xi măng	Các lĩnh vực bán xi măng và khác	Cộng
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>6.632.596.070</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-549.067.250</b>	<b>261.488.854</b>	<b>810.556.104</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.041.057.552</b>	<b>37.544.692.227</b>	<b>318.384.943</b>	<b>38.904.134.722</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tấm lợp	Sản phẩm gia công xi măng	Các lĩnh vực bán xi măng và khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.153.315.632	719.489.147.460	3.333.033.716	736.975.496.808
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	4.174.708.161
<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.153.315.632</b>	<b>719.489.147.460</b>	<b>3.333.033.716</b>	<b>741.150.204.969</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	11.944.967.300	915.405.414.851	29.641.280	927.380.023.431
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	7.291.617.669
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.944.967.300</b>	<b>915.405.414.851</b>	<b>29.641.280</b>	<b>934.671.641.100</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.625.166.127	708.730.843.911	2.947.896.978	729.303.907.016
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.845.958.783
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.625.166.127</b>	<b>708.730.843.911</b>	<b>2.947.896.978</b>	<b>731.149.865.799</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.041.876.113	847.019.226.247	31.262.288	852.092.364.648
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	31.615.325.211
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>5.041.876.113</b>	<b>847.019.226.247</b>	<b>31.262.288</b>	<b>883.707.689.859</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty đã lỗ 40.963.612.071 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 565.189.360.532 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 193.521.436.131 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 564.739.441.736 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có lãi bằng việc tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ tấm lợp và tiếp tục tập trung vào sản xuất hơn một triệu tấn xi măng do Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời Công ty đang làm việc với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

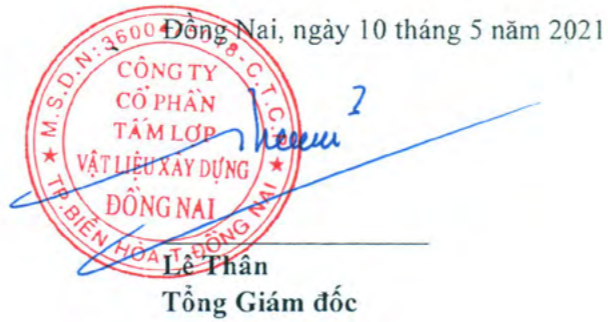
**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  
Người lập/Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021



Lê Thân  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2021  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



Lê Thân  
Tổng Giám đốc